

Số: **01** /HD-SNV-STC

Bình Định, ngày **10** tháng 8 năm 2015

HƯỚNG DẪN

**Thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ nghỉ hưu trước tuổi
và cán bộ nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ**

Căn cứ Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Hướng dẫn số 35-HD/BTCTW ngày 24/4/2015 của Ban Tổ chức Trung ương về việc thực hiện một số nội dung Nghị định 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ “Quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng cộng sản Việt Nam, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội”;

Sau khi trao đổi thống nhất với Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Nội vụ và Sở Tài chính hướng dẫn quy trình, thủ tục, hồ sơ thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ nghỉ hưu trước tuổi và cán bộ nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP của Chính phủ và Hướng dẫn số 35-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương trên địa bàn tỉnh như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Đối tượng áp dụng

- Cán bộ quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 4 Luật Cán bộ, công chức;
- Cấp uỷ viên các cấp công tác trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở.

2. Những người không thuộc đối tượng áp dụng

- Những người thuộc đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

- Cấp ủy viên các cấp không đủ tuổi tái cử nhưng đã có thông báo nghỉ hưu hoặc thời gian công tác chỉ còn từ 06 tháng trở xuống tính từ ngày bắt đầu tổ chức đại hội đảng bộ cùng cấp đến thời điểm nghỉ hưu.

II. ĐIỀU KIỆN XÉT HUỞNG CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH

1. Điều kiện chung

Không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội;

Tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW ngày 18/8/2014 của Ban Tổ chức Trung ương về công tác nhân sự cấp ủy tại đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (sau đây gọi tắt là Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW) và các quy định của pháp luật và của cơ quan có thẩm quyền về công tác cán bộ.

2. Điều kiện cụ thể

a) Đối với cán bộ nghỉ hưu trước tuổi

- Có thời gian đóng BHXH đủ 20 năm trở lên;

Đối với cán bộ cấp xã có thời gian tham gia quân đội, công an và được Nhà nước tặng thưởng huân chương, huy chương các loại nếu còn thiếu thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ 30 tháng trở xuống mới đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội 20 năm thì được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội một lần cho thời gian còn thiếu để thực hiện chế độ hưu trí;

- Có đơn tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi gửi cơ quan quản lý cán bộ.

b) Đối với cán bộ nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu

- Còn dưới 24 tháng công tác mới đến tuổi nghỉ hưu theo quy định;

- Cá nhân không có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi;

- Cơ quan, đơn vị không thể bố trí được công tác khác phù hợp.

III. QUY TRÌNH, THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH

1. Quy trình, thủ tục

a) **Bước 1:** Cán bộ, cấp ủy viên các cấp đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP làm đơn nêu rõ nguyện vọng của bản thân gửi cơ quan hiện đang công tác.

b) Bước 2: Cơ quan quản lý trực tiếp cán bộ có trách nhiệm họp xét (có biên bản kèm theo) và lập hồ sơ gửi cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ theo phân cấp. Cụ thể:

+ Cán bộ, cấp ủy viên cấp huyện khối Đảng, đoàn thể gửi Tờ trình và hồ sơ về Ban Thường vụ huyện ủy, thành ủy, thị ủy (qua Ban Tổ chức Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy);

+ Cán bộ, cấp ủy viên cấp xã; cán bộ, cấp ủy viên cấp huyện khối Nhà nước gửi Tờ trình và hồ sơ về UBND cấp huyện (qua Phòng Nội vụ huyện, thị xã, thành phố);

+ Cán bộ, cấp ủy viên cấp tỉnh thuộc khối Đảng, đoàn thể gửi Tờ trình và hồ sơ về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy);

+ Cán bộ, cấp ủy viên cấp tỉnh thuộc khối Nhà nước gửi Tờ trình và hồ sơ về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ).

c) Bước 3: Cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ họp xét thông qua danh sách những người đủ điều kiện, ra quyết định nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu đối với từng cán bộ thuộc cơ quan mình quản lý theo phân cấp. Đồng thời có văn bản đề nghị giải quyết chế độ, chính sách (kèm theo hồ sơ) gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy (đối với cán bộ khối Đảng, đoàn thể từ cấp huyện trở lên); Sở Nội vụ (đối với cán bộ cấp xã và cán bộ thuộc khối Nhà nước từ cấp huyện trở lên) đồng gửi Sở Tài chính để tổng hợp.

Thời điểm nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu là thời điểm cán bộ thôi giữ chức vụ bầu cử hoặc bổ nhiệm do không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm quy định.

2. Thành phần hồ sơ đề nghị

Hồ sơ đề nghị 03 bộ, mỗi bộ gồm các thành phần sau:

- Văn bản đề nghị giải quyết chế độ, chính sách của Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Ban Thường vụ Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy; Chủ tịch UBND cấp huyện;

- Danh sách và dự toán kinh phí chi trả cho những người nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 26/2015/NĐ-CP (Mẫu số 01);

- Danh sách và dự toán kinh phí chi trả tiền lương, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, mức chênh lệch bảo lưu lương, phụ cấp công tác đảng (nếu có) đối với cán bộ nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 26/2015/NĐ-CP (Mẫu số 02);

- Quyết định nghỉ hưu trước tuổi hoặc quyết định nghỉ công tác chờ đủ

tuổi sẽ nghỉ hưu của cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ theo phân cấp (theo mẫu);

- Đơn xin nghỉ hưu trước tuổi hoặc đơn xin nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu của đối tượng;

- Bản sao sổ BHXH hoặc bản ghi quá trình đóng BHXH (có ý kiến xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội về tổng thời gian đóng BHXH tính tới thời điểm nghỉ hưu trước tuổi);

- Bản sao các quyết định lương, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và mức chênh lệch bảo lưu lương, phụ cấp công tác đảng (nếu có):

+ Các quyết định trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm nghỉ hưu trước tuổi đối với những người đề nghị nghỉ hưu trước tuổi;

+ Quyết định cuối cùng (hiện hưởng) đối với những người đề nghị nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu.

+ Bản chụp bằng khen thưởng Huân chương, huy chương các loại (đối với cán bộ cấp xã thuộc diện được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội một lần cho thời gian còn thiếu để thực hiện chế độ hưu trí quy định tại Điều 3 Nghị định số 26/2015/NĐ-CP).

- Bảng tính lương bình quân 60 tháng của người đề nghị nghỉ hưu trước tuổi (Mẫu số 03).

Ghi chú: Những người có đủ điều kiện nâng bậc lương trước thời hạn, nâng ngạch không qua thi, các cơ quan, đơn vị lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền nâng lương trước thời hạn, nâng ngạch không qua thi để làm cơ sở giải quyết chế độ, chính sách theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP.

IV. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP do ngân sách nhà nước cấp theo phân cấp hiện hành.

Trong thời gian chờ Bộ Tài chính thẩm tra, cấp kinh phí, ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện tạm ứng kinh phí để chi trả chế độ, chính sách đối với cán bộ như sau:

- Ngân sách cấp huyện tạm ứng kinh phí chi trả chế độ, chính sách cho cán bộ, cấp ủy viên cấp xã, cấp huyện;

- Ngân sách cấp tỉnh tạm ứng kinh phí để chi trả chế độ, chính sách đối với cán bộ, cấp ủy viên cấp tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Ban Thường vụ Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố

- Triển khai phổ biến, quán triệt Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ và Hướng dẫn số 35-HD/BTCTW ngày 24/4/2015 của Ban Tổ chức Trung ương;

- Hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan quản lý trực tiếp cán bộ thuộc diện nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu lập hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn tại văn bản này;

- Kiểm tra, xét duyệt hồ sơ, quyết định nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu đối với những người đủ điều kiện theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định và có văn bản đề nghị thực hiện chế độ, chính sách gửi Sở Nội vụ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Tài chính;

- Thực hiện chi trả chế độ, chính sách sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trách nhiệm Sở Nội vụ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy

Tổng hợp danh sách những người được hưởng chế độ, chính sách và phối hợp với Sở Tài chính thẩm tra mức kinh phí chi trả giải quyết cho từng đối tượng cán bộ theo quy định tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ.

3. Sở Tài chính

- Tổng hợp và lập dự toán kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với các đối tượng đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu theo ý kiến của Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Sở Nội vụ, báo cáo UBND tỉnh trình Bộ Tài chính thẩm tra và cấp kinh phí; đồng thời gửi Bộ Nội vụ để theo dõi tổng hợp, báo cáo Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ;

- Hướng dẫn cơ quan tài chính các cấp về quy trình lập dự toán, cấp phát, quản lý và quyết toán kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo đúng quy định.

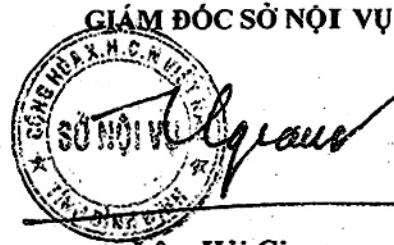
4. Bảo hiểm xã hội tỉnh

Chỉ đạo BHXH các huyện, thị xã, thành phố giải quyết kịp thời các nội dung có liên quan về đóng BHXH và xác nhận chốt sổ BHXH và giải quyết kịp thời các chế độ BHXH đối với cán bộ thuộc diện nghỉ hưu trước tuổi theo quy định của pháp luật về BHXH và hướng dẫn của BHXH Việt Nam.

Đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện.
Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Nội vụ và
Sở Tài chính để được hướng dẫn giải quyết./.



Lê Hoàng Nghi



Lâm Hải Giang

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy (báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các Sở, ban, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan khối Đảng;
- UBND huyện, thị xã, TP;
- Lưu: VT, SNV, STC.

Tên đơn vị:

Mẫu số 1

**DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO CÁN BỘ KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN VỀ TUỔI TÁI CỬ, TÁI BỔ NHIỆM
NGHĨ HƯ TRƯỚC TUỔI**

(Kèm theo Hướng dẫn số: /....., ngày tháng năm 20.... của)

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức vụ	Thời điểm giữ chức danh hiện tại hoặc bổ nhiệm giữ chức vụ	Số năm tham gia đóng BHXH đến thời điểm nghỉ hưu (theo số BHXH)			Tiền lương tính trợ cấp cho nghỉ hưu trước tuổi													Kinh phí chi trả cho nghỉ hưu trước tuổi				Ghi chú			
		Nam	Nữ			Tổng số (sinh trên)	Số năm	Số tháng	Trong đó													Trợ cấp cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp trên 20 năm đóng BHXH	Tổng cộng					
									Tỷ lệ lương để tính trợ cấp (tính trên 60 tháng thực lĩnh)	Hệ số lương	Ngày, tháng, năm hưởng	Phụ cấp chức vụ	Ngày, tháng, năm hưởng	Phụ cấp TNVK (tỷ lệ)	Ngày, tháng, năm hưởng	Hệ số chính sách bảo lưu	Ngày, tháng, năm hưởng	Phụ cấp công tác đáng (tỷ lệ)	Ngày, tháng, năm hưởng (tỷ lệ)	Phụ cấp thâm niên nghỉ (tỷ lệ)	Ngày, tháng, năm hưởng								
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	
1																													
2																													
3																													
4																													
5																													
6																													
7																													

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

..... ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Tên đơn vị.....

Mẫu số 2

**DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO CÁN BỘ KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN VỀ TUỔI TÁI CỬ, TÁI BỔ NHIỆM
ĐƯỢC NGHỈ CÔNG TÁC CHỜ ĐỦ TUỔI SẼ NGHỈ HƯU**

(Kèm theo Hướng dẫn số: /....., ngày tháng năm 20.... của))

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Ngày, tháng, năm tham gia công tác	Chức vụ	Thời điểm giờ chức danh bầu cử hoặc bổ nhiệm giờ chức vụ	Thời điểm xin nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu	Thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu	Số tháng nghỉ công tác chờ đủ tuổi để nghỉ hưu	Tổng lương hiện hưởng						Tổng kinh phí chi trả lương cho số tháng chờ đủ tuổi nghỉ hưu			Ghi chú	
		Nam	Nữ							Trong đó						Tiền lương và phụ cấp (nếu có) 1 tháng	Tiền lương và phụ cấp (nếu có)	Tiền đóng BHXH, Y tế cho số tháng chờ đủ tuổi		Tổng cộng
										Hệ số lương	Phụ cấp TNVK (nếu có)	Phụ cấp chức vụ (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Phụ cấp công tác (nếu có)	Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1																				
2																				
3																				
4																				
5																				
																			

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

..... ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

DANH SÁCH TÍNH LƯƠNG BÌNH QUÂN 60 THÁNG

(Kèm theo Hướng dẫn số /..... ngày tháng năm 20..... của.....)

Lương tối thiểu qua các giai đoạn

1. Từ 01/05/2009 đến 30/04/2010: 650.000 đồng;
2. Từ 01/05/2010 đến 30/4/2011: 730.000 đồng.
3. Từ 01/5/2011 đến 30/4/2012: 830.000 đồng
4. Từ 01/5/2012 đến 30/6/2013: 1.050.000 đồng.
5. Từ 01/7/2013 đến nay là 1.150.000 đồng.

Đơn vị tính: 1000 đồng

S T T	Chức vụ, Đơn vị công tác	Từ ngày, tháng năm đến ngày, tháng năm	Số tháng	Lương và các khoản phụ cấp đătính chi trả theo ND số 26/ND-CP						Mức lương tối thiểu	Tổng cộng	Ghi chú	
				Hệ số lương	Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp TNVK	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Phụ cấp công tác đđang	Phụ cấp thâm niên nghề				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Nguyễn Văn B	07/2010 - 12/2010	6	4,98	0,60	0,45					730,00		VK 9%
2		01/2011 - 04/2011	4	4,98	0,60	0,45			1,81		730,00		VK 9%
3		05/2011 - 05/2011	1	4,98	0,60	0,45			1,81		830,00		VK 9%
4		06/2011 - 04/2012	11	5,76	0,60				1,91		830,00		
5		05/2012 - 06/2013	14	5,76	0,60				1,91		1.050,00		
		07/2013 - 02/2014	8	5,76	0,60				1,91		1.150,00		
		03/2014 - 05/2014	3	5,76	0,60					0,32	1.150,00		TN nghề 5%
		06/2014 - 02/2015	9	6,10	0,60					0,34	1.150,00		TN nghề 5%
		03/2015 - 06/2015	4	6,10	0,60					0,40	1.150,00		TN nghề 5%
Tổng cộng											xxxxxx		
Lương bình quân											xxxxxx		

..... ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Lương bình quân bằng tổng cộng, cột 11/60

Cột 6 bằng cột 4 nhân cho tỷ lệ phụ cấp thâm niên vượt khung

Cột 8 bằng (cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7) x % phụ cấp công tác đđang

Cột 9 bằng (cột 4+ cột 5 + cột 6+ cột 7) x tỷ lệ phụ cấp thâm niên nghề

Cột 11 bằng (cột 4+ cột 5 + cột 6+ cột 7 + cột 8 + cột 9) x cột 3 x cột 10

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....

....., ngày tháng năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP

.....(1).....

Căn cứ

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ Quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà nước, tổ chức chính trị-xã hội;

Xét đề nghị của.....(2).....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ông (bà):.....

Sinh ngày:.....

Nơi sinh:.....

Chức vụ:.....

Đơn vị công tác:.....

Được nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP của Chính phủ từ ngày tháng năm.....

Điều 2. Chế độ, chính sách đối với ông (bà).....do cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và ông (bà).....chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

.....;

.....;

- Lưu: VT,

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU.....(1)

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý cán bộ;

(2): Người đứng đầu đơn vị phụ trách công tác tổ chức, cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý cán bộ

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....

....., ngày tháng năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu Nghị định số 26/2015/NĐ-CP

.....(1).....

Căn cứ

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ Quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà nước, tổ chức chính trị-xã hội;

Xét đề nghị của.....(2).....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ông (bà):.....

Sinh ngày:.....

Nơi sinh:.....

Chức vụ:.....

Đơn vị công tác:.....

Được nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP của Chính phủ từ ngày tháng năm.....

Điều 2. Chế độ, chính sách đối với ông (bà).....do cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và ông (bà).....chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

.....;

.....;

- Lưu: VT,

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU.....(1)

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý cán bộ;

(2): Người đứng đầu đơn vị phụ trách công tác tổ chức, cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý cán bộ